TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-10-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng

Nguyễn Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lương Văn D, nơi cư trú: Tổ B, phường L, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thu H, nơi đăng ký HKTT: Tổ B, phường L, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Ngõ 2 Phạm Ngũ Lão, Quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 30-7-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lương Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lê Thu H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống cùng gia đình anh tại tổ B, phường L. Anh và chị H chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do chị H sống không chung thủy, có quan hệ phức tạp làm ảnh hưởng đến gia đình anh. Anh cũng thừa nhận là bản thân còn ham chơi, thiếu sự quan tâm đến gia đình. Do

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên từ khoảng giữa năm 2013, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống. Từ đó đến nay, anh và chị H sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh cũng đã đón chị H về một vài lần nhưng chị không thay đổi tính nết nên anh, chị lại sống ly thân. Gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng cũng không còn tồn tại nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh và chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ghi ngày 03-8-2018, bị đơn là chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh D vào năm 2013. Trong cuộc sống chung của chị và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D ham chơi cờ bạc, nợ nần nhiều. Bản thân chị và gia đình hai bên đã khuyên nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi. Vì không thể tiếp tục chung sống với anh D nên đến tháng 6-2013 chị đã chuyển về sống với bố mẹ đẻ. Trong khoảng thời gian sống ly thân, anh D đã có quan hệ với người phụ nữ khác. Do tính nết của anh D không thay đổi nên chị không đồng ý quay về chung sống với anh D. Sau đó, vì đã có con riêng nên anh D quyết định ly hôn với chị. Chị nhận thấy tình cảm và cuộc sống chung với anh D không còn nên chị đồng ý ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị và anh D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh D vắng mặt tại phiên họp, cả anh D và chị H đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, anh Lương Văn D và chị Lê Thu H có thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn là anh D giải quyết vụ án; anh D cư trú tại: Tổ B, phường L, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại các đơn đề nghị đề ngày 03-8-2018, anh D và chị H đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả anh D và chị H.

Về hôn nhân:

[3] Anh D và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường L, quận Đ, thành phố Hải Phòng năm 2013. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Khoảng từ giữa năm 2013 đến nay, tình trạng hôn nhân của anh D và chị H không được hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ, chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy, không có niềm tin vào nhau; anh D ham chơi, không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã hòa giải để anh, chị giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D và chị H đều yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Cho thấy, anh D và chị H đã không còn nguyện vọng đoàn tụ. Từ năm 2013 đến nay, anh D và chị H sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau; không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh D và chị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh D và chị H đều khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh D và chị H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Lương Văn D được ly hôn chị Lê Thu H.

2. Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số 0006852 ngày 03-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh D và chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Bàng La;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường